

Số: /2026/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định tổ chức, hoạt động của lực lượng quản lý dê nhân dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Đê điều số 79/2006/QH11; Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2009/TT-BNN ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý dê nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Ban hành quy định tổ chức, hoạt động của lực lượng quản lý đô thị nhân dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tổ chức, hoạt động của lực lượng quản lý đô thị nhân dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng 5 năm 2026.
2. Bãi bỏ Quyết định số 39/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) ban hành Đề án thành lập lực lượng quản lý đô thị nhân dân.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có đê; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB & TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, N6

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Mah Tiệp

QUY ĐỊNH

Tổ chức, hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về việc thành lập, tổ chức, quản lý, chế độ, chính sách, nguồn kinh phí và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có liên quan đối với lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Áp dụng đối với hoạt động quản lý, bảo vệ các tuyến đê sông, đê biển, đê cửa sông, kè bảo vệ bờ và các công trình có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Những nội dung không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân, công tác quản lý, bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

CHƯƠNG II TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LỰC LƯỢNG QUẢN LÝ ĐÊ NHÂN DÂN

Điều 3. Thành lập, tổ chức và quản lý lực lượng quản lý đê nhân dân

1. Lực lượng quản lý đê nhân dân do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, không thuộc biên chế nhà nước, được tổ chức theo địa bàn từng xã, phường ven đê.

2. Việc thành lập, kiện toàn lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn tỉnh phải bảo đảm thống nhất, phù hợp với quy mô, chiều dài tuyến đê, mức độ xung yếu, điều kiện địa hình, yêu cầu quản lý thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

3. Mỗi nhân viên quản lý đê nhân dân chịu trách nhiệm quản lý không quá 05 km đê. Đối với địa bàn có nhiều điểm xung yếu, địa hình phức tạp, thường

xuyên chịu ảnh hưởng của lũ, bão, triều cường, sạt lở hoặc có nhiều công trình qua đê thì xem xét bố trí cự ly quản lý ngắn hơn để bảo đảm yêu cầu tuần tra, kiểm tra, phát hiện và báo cáo kịp thời.

4. Đối với địa bàn có chiều dài đê, kè dưới 01 km hoặc chưa đủ điều kiện tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân riêng, Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp giao người kiêm nhiệm theo dõi, quản lý, bảo vệ và chịu trách nhiệm báo cáo tình trạng công trình theo quy định.

5. Trong quá trình đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống đê, kè, cống qua đê và các công trình có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ sung, kiện toàn lực lượng quản lý đê nhân dân phù hợp với yêu cầu quản lý thực tế.

6. Căn cứ chiều dài đê điều, mức độ xung yếu, điều kiện địa hình và nhu cầu quản lý thực tế trên địa bàn, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định số lượng nhân viên quản lý đê nhân dân.

7. Lực lượng quản lý đê nhân dân hoạt động dưới sự quản lý, điều hành trực tiếp của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đê; chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều, phòng, chống thiên tai và cơ quan, đơn vị được giao quản lý chuyên ngành đê điều thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 4. Tiêu chuẩn, điều kiện của lực lượng quản lý đê nhân dân

1. Có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm, ý thức chấp hành pháp luật về đê điều và phòng, chống thiên tai.

2. Tuổi từ đủ 18 đến 60 tuổi; trường hợp cần thiết có thể xem xét độ tuổi phù hợp theo điều kiện thực tế của địa phương nhưng phải bảo đảm sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ.

3. Có đủ sức khỏe, có khả năng đi lại, tuần tra, kiểm tra, tham gia ứng trực, hộ đê khi cần thiết.

4. Có trình độ học vấn từ trung học cơ sở trở lên hoặc trình độ phù hợp theo yêu cầu thực tế của địa phương.

5. Có nơi cư trú ổn định tại địa bàn cấp xã nơi bố trí làm nhiệm vụ; ưu tiên người am hiểu địa bàn, có kinh nghiệm trong công tác hộ đê, phòng, chống thiên tai, dân quân, bảo vệ dân phố, tổ tự quản cộng đồng hoặc các lực lượng tại chỗ khác.

6. Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt, chấp hành quyết định xử lý hành chính hoặc bị áp dụng biện pháp xử lý khác theo quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến khả năng thực hiện nhiệm vụ.

Điều 5. Nhiệm vụ và chế độ báo cáo của lực lượng quản lý đê nhân dân

1. Nhiệm vụ

a) Chấp hành sự phân công của Ủy ban nhân dân cấp xã và hướng dẫn về mặt chuyên môn, kỹ thuật của cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều và phòng, chống thiên tai..

b) Thường xuyên kiểm tra, tuần tra canh gác bảo vệ đê điều được phân công, tham gia xử lý sự cố đê điều.

c) Kiểm tra phát hiện, báo cáo kịp thời tình trạng đê điều, các diễn biến hư hỏng, sự cố đê điều.

d) Phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều.

đ) Lập biên bản và kiến nghị với UBND cấp xã xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều.

e) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đê điều, vận động nhân dân thực hiện về pháp luật về đê điều.

g) Tham gia với Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã xây dựng phương án hộ đê.

h) Tham gia quản lý và bảo vệ cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê như: Điểm canh đê, vật tư phòng chống lụt bão, biển báo đê điều, cột chỉ giới, cây chắn sóng bảo vệ đê và các công trình phụ trợ khác.

i) Nhân viên quản lý đê nhân dân khi làm nhiệm vụ phải đeo băng đỏ có chữ “QLĐND” màu vàng trên cánh tay trái.

2. Chế độ báo cáo và xử lý thông tin

a) Nhân viên quản lý đê nhân dân có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ 02 lần/tháng, vào ngày 01 và ngày 15 hằng tháng, về tình trạng đê điều, kè bảo vệ bờ, cống qua đê, hành lang bảo vệ đê điều, các công trình phụ trợ và các nội dung khác thuộc phạm vi được giao quản lý. Trường hợp ngày báo cáo trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ thì thực hiện báo cáo vào ngày làm việc tiếp theo.

b) Trong mùa mưa, lũ, bão, áp thấp nhiệt đới, triều cường hoặc khi có chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền, nhân viên quản lý đê nhân dân thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn quản lý đê điều hoặc Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp báo cáo của nhân viên quản lý đê nhân dân và báo cáo cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều, phòng, chống thiên tai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường định kỳ mỗi tháng 01 lần; đồng thời báo cáo đột xuất khi phát hiện vi phạm, hư hỏng, sự cố đê điều hoặc tình huống có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đê điều.

d) Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về đê điều hoặc hư hỏng, sự cố đê điều, nhân viên quản lý đê nhân dân phải kịp thời báo cáo bằng hình thức nhanh nhất đến Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn quản lý đê điều và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã để chỉ đạo, xử lý kịp thời; đồng thời ghi nhận hiện trạng, lập biên bản hoặc báo cáo theo quy định.

đ) Nội dung báo cáo khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về đê điều hoặc hư hỏng, sự cố đê điều gồm:

- Thời gian phát hiện vi phạm, hư hỏng hoặc sự cố đê điều;
- Vị trí, tuyến đê, đoạn đê, công trình có liên quan;
- Mức độ, đặc điểm, kích thước, diễn biến của vi phạm, hư hỏng hoặc sự cố;
- Điều kiện thời tiết, mực nước, dòng chảy, triều cường, sạt lở hoặc các yếu tố bất thường khác tại thời điểm phát hiện, nếu có;
- Hình ảnh, sơ đồ vị trí, tọa độ hoặc tài liệu liên quan, nếu có;
- Nhận định ban đầu về nguyên nhân, nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đê điều và đề xuất biện pháp xử lý.

e) Trường hợp phát hiện vi phạm, hư hỏng hoặc sự cố nguy hiểm có nguy cơ đe dọa trực tiếp đến an toàn đê điều, tính mạng, tài sản của Nhà nước và Nhân dân, nhân viên quản lý đê nhân dân phải báo cáo ngay bằng hình thức nhanh nhất đến Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã, cơ quan chuyên môn quản lý đê điều và cơ quan có thẩm quyền; đồng thời phối hợp thực hiện biện pháp cảnh báo, khoanh vùng, ngăn chặn ban đầu theo phân công, chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền, không tự ý thực hiện biện pháp vượt quá nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 6. Chế độ, chính sách và điều kiện bảo đảm hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân

1. Mức thù lao của nhân viên quản lý đê nhân dân là 0,6 mức lương cơ sở/người/tháng.

2. Được trang bị phương tiện, bảo hộ lao động thiết yếu để thực hiện nhiệm vụ, gồm: áo mưa, ủng, mũ cứng, đèn pin, băng phù hiệu và các trang bị cần thiết khác theo điều kiện thực tế.

3. Được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ đê điều, nhận biết sự cố, hộ đê, kỹ năng phối hợp xử lý tình huống và tuyên truyền pháp luật.

4. Được xem xét khen thưởng khi có thành tích trong công tác quản lý, bảo vệ đê điều, phòng, chống thiên tai.

5. Trường hợp bị tai nạn, rủi ro trong khi thực hiện nhiệm vụ thì được xem xét áp dụng các chế độ hỗ trợ theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 7. Nguồn kinh phí

1. Thù lao của lực lượng quản lý đê nhân dân do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn kinh phí duy trì hoạt động khác của lực lượng quản lý đê nhân dân theo quy định được bố trí từ ngân sách địa phương, Quỹ phòng chống thiên tai và các nguồn vốn hợp pháp khác.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đê

1. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, trách nhiệm về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều, phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật và quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT.

2. Trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn; phân công địa bàn, tuyến đê, đoạn đê, công trình đê điều, kè bảo vệ bờ và các công trình có liên quan cho từng nhân viên quản lý đê nhân dân theo quy định.

3. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc xác định số lượng, địa bàn hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân phù hợp với chiều dài tuyến đê, mức độ xung yếu và yêu cầu quản lý thực tế.

4. Lập dự toán kinh phí chi trả thù lao, trang bị phương tiện, bảo hộ lao động, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ và các kinh phí bảo đảm hoạt động khác của lực lượng quản lý đê nhân dân, tổng hợp vào dự toán ngân sách hằng năm của địa phương, gửi cơ quan có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định.

5. Tổ chức kiểm tra, đôn đốc lực lượng quản lý đê nhân dân thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, phát hiện, báo cáo tình trạng đê điều, kè bảo vệ bờ, cống qua đê, hành lang bảo vệ đê điều và các công trình có liên quan; kịp thời xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều theo quy định.

6. Tổng hợp báo cáo của nhân viên quản lý đê nhân dân và báo cáo cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều, phòng, chống thiên

tại thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường định kỳ mỗi tháng 01 lần; báo cáo đột xuất khi phát hiện vi phạm, hư hỏng, sự cố đê điều hoặc tình huống có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đê điều.

7. Hằng năm, báo cáo tổng hợp tình hình tổ chức, hoạt động, kết quả thực hiện nhiệm vụ, số kinh phí đã chi trả và những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn về Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, theo dõi theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức triển khai, phổ biến, hướng dẫn và đôn đốc kiểm tra thực hiện Quy định này.

2. Chỉ đạo các đơn vị chức năng của sở phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê cho lực lượng quản lý đê nhân dân. Chỉ đạo Cơ quan chuyên phối hợp với UBND cấp xã, lực lượng quản lý đê nhân dân trong việc thường xuyên kiểm tra, tuân tra, canh gác bảo vệ đê điều thuộc địa bàn, tham gia xử lý sự cố đê điều.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thành lập, kiện toàn hoặc điều chỉnh lực lượng theo quy định.

4. Theo dõi, tổng hợp tình hình tổ chức, hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân và đề xuất của các địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí dự toán ngân sách hàng năm cho các UBND cấp xã để chi trả thù lao của lực lượng quản lý đê nhân dân theo quy định./.